

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị T Hà- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983; cư trú tại: Khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1978; cư trú tại: Khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 15/10/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 19/9/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại khu 7 (Nay là

khu G), xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường uống rượu say và đánh chửi chị. Chị và hai bên gia đình có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Ké không thay đổi. Từ khoảng tháng 8 năm 2021 đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2021, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị T trình bày. Theo anh H, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng giữa năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có quan hệ với người đàn ông khác, anh có đánh để dạy dỗ thì chị T bỏ nhà ra đi và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không quan tâm tới nhau. Anh H không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị T và anh H thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là Hà Phương T- sinh ngày 06/11/2004, Hà Đức Phương T- sinh ngày 10/5/2015. Hiện 02 con chung đang ở cùng chị T. Nếu ly hôn, chị T và anh H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị Thu, anh H thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hà Văn H

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung là Hà Phương T- sinh ngày 06/11/2004, Hà Đức Phương Thịnh- sinh ngày 10/5/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị T không yêu cầu.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú là xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân chị Nguyễn Thị T và anh Hà Văn H bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả T thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh H là do anh H thường xuyên uống rượu say, rồi đánh chửi chị Thu. Mặc dù hai bên gia đình cùng chính quyền địa phương nhiều lần khuyên bảo, can thiệp nhưng anh H không thay đổi. Từ khoảng tháng 08/2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Anh H không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian sống ly thân, anh H không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo đề hòa giải đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt nên đề nghị đoàn tụ của anh H không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: kết quả thu nhập chứng cứ cho thấy hiện anh H không có nghề nghiệp, thu nhập còn chị T có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định. Trong thực tế, 02 con chung đã được chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, bảo đảm cho con chung có đời sống sinh hoạt, học tập ổn định. Con chung là Hà Phương T đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng chị Thu. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định và toàn diện của con chung, cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị T không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hà Văn H .

2. *Về con chung*:

2.1. Giao 02 con chung là Hà Phương T- sinh ngày 06/11/2004, Hà Đức Phương T- sinh ngày 10/5/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị T không yêu cầu.

2.2. Anh Hà văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0007732 ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị

đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng